

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **868/2020/DS-ST**

Ngày: 29-6-2020

V/v Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nhanh

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 872/2018/TLST-DS ngày 18/10/2018 về vụ việc “Tranh chấp về thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2270/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Gia Ái M, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Đội 4 V 1, xã G, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 82 Ng, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trang Sĩ X
- Luật sư của Công ty luật Hợp doanh Th thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 514/3/21 L, Phường M7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Võ Vũ Thùy D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: 2/35 L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 19785, quyền số 05 ngày 24/5/2018 tại phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Ng, sinh năm: 1951

Địa chỉ: Đội 4 V 1, G, huyện Th tỉnh Đồng Nai.

Đại diện ủy quyền: Ông Sơn Nguyên Ng, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 181/61/8 P, Phường M, quận NH, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Giấy ủy quyền số 11264, quyền số 05 ngày 25/6/2018 tại phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Phòng công chứng số N Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 278 Ng, Phường B, quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Hoàng A, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 2B Khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 17/9/2019)

3. Ủy ban nhân dân quận G Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 332 Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Trương Thị H1, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 332 Q, Phường M, quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 05/UQ ngày 19/3/2019).

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên BB

Địa chỉ trụ sở: 514/3/16 L, Phường M7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: 702/5 (số cũ 646/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh Tr, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 40/450F L, Phường M7, quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 và đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 31/12/2019 của nguyên đơn và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ông Vũ Đình H2 (sinh năm 1931, chết năm 2011), bà Vũ Thị Kh (sinh năm 1935, chết năm 2009). Ông H2 và bà Kh có 02 người con chung là ông Vũ Đình H3 (sinh năm 1959, chết năm 2011) và bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1965. Ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Ông H2 và bà Kh có tạo dựng được tài sản là căn nhà 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 05/8/2009.

Lúc còn sống bà Vũ Thị Kh có để lại di chúc $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất trên cho ông Vũ Đình H3 theo di chúc số 24432 do Phòng ông chứng số N lập ngày 01/9/2009. Ông Vũ Đình H2 cũng để lại di chúc $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất trên cho bà Vũ Thị Thanh H.

Ông Vũ Đình H3 có sống chung số với bà Lê Thị Ng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có 01 người con chung là Vũ Gia Ái M, sinh ngày 10/3/1997.

Năm 2009, bà Vũ Thị Kh chết thì phát sinh thừa kế theo di chúc cho ông Vũ Đình H3. Năm 2015, ông Vũ Đình H3 chết nên bà Vũ Gia Ái M được hưởng phần thừa kế của ông H3 theo thừa kế thế vị.

Đến năm 2011, ông Vũ Đình H2 chết thì phát sinh thừa kế theo di chúc cho bà Vũ Thị Thanh H.

Năm 2016, bà Vũ Thị Thanh H khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N theo văn bản công chứng số 3626 ngày 29/01/2016, trước bạ ngày 02/02/2016 và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận G đã thực hiện cập nhật thay đổi ngày 22/02/2016 trong Giấy chứng nhận số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 do bà Vũ Thị Thanh H đứng tên sở hữu.

Từ khi Ông H2 và bà Kh chết đến nay thì căn nhà 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do bà H quản lý, sử dụng. Hiện bà H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BB thỏa thuận hợp tác phân phối một số mặt hàng hóa mỹ phẩm, thực phẩm và đặt trụ sở chi nhánh tại đây. Nguyên đơn không tranh chấp và yêu cầu gì đối với Hợp đồng thỏa thuận giữa bà H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BB.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Hủy bỏ văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N theo văn bản công chứng số 3626 ngày 29/01/2016.

- Hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 do bà Vũ Thị Thanh H đứng tên chủ sở hữu bất hợp pháp từ ngày 22/02/2016.

- Phân chi tài sản căn nhà 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 tờ di chúc.

- Nguyên đơn yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc bằng tiền theo Biên bản định giá ngày 17/08/2018 với số tiền là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất đã định 5.114.624.330 đồng là 2.557.312.165 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không hoàn lại ngay cho nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu bán phát mãi tài sản tranh chấp, nguyên đơn nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất theo giá thẩm định tại thời điểm thi hành án.

Bị đơn bà Vũ Thị Thanh H có đại diện ủy quyền là bà Võ Vũ Thùy D trình bày bản tự khai ngày 07/6/2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp có nội dung:

Cha bà H là ông Vũ Đình H2 (sinh năm 1931, chết năm 2011), bà Vũ Thị Kh (sinh năm 1935, chết năm 2009).

Ông H2 và bà Kh có tạo dựng được tài sản là căn nhà 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 29/79/2009/UB.GCN ngày 05/8/2009.

Ngày 01/9/2009, Ông H2 và bà Kh cùng lập 02 bản di chúc tại Phòng công chứng số N như sau:

Bản di chúc số 24431 quyền số 09/TP/CC-SCC/DC, ông Vũ Đình H2 để lại di sản thừa kế cho bà được hưởng phần thuộc sở hữu, sử dụng của cụ Ông H2 trong căn nhà 646/5 L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và thờ cúng.

Bản di chúc số 24432 quyền số 09/TP/CC-SCC/DC, bà Vũ Thị Kh để lại di sản thừa kế cho ông Vũ Đình H3 được hưởng phần thuộc sở hữu, sử dụng của cụ

bà Kh trong căn nhà 646/5 L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và thờ cúng.

Ngày 29/01/2016, bà H có làm văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N và được cập nhật tên vào giấy chứng nhận số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 cho bà Vũ Thị Thanh H.

Sau khi ông Vũ Đình H3 chết ngày 29/01/2015, ông H3 không để lại di chúc cho ai nên bà vẫn quản lý sử dụng căn nhà này để thờ cúng ông bà cho đến nay.

Nay bà Vũ Gia Ái M làm đơn khởi kiện xác định bà là con của ông Vũ Đình H3, yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà trên là không đúng với thực tế. Vì căn nhà này do bà H được ông Vũ Đình H2 để lại di sản thừa kế cho bà được hưởng phần thuộc sở hữu, sử dụng của cụ Ông H2 trong căn nhà 646/5 L, Phường M5, quận G là 50% giá trị nhà và đất. Theo tâm nguyện của Ông H2 và bà Kh trong nội dung 02 bản di chúc là ông bà chỉ cho để ở và thờ cúng, nên việc bà Vũ Gia Ái M yêu cầu chia thừa kế quy ra giá trị là không đúng với di chúc của Ông H2 và bà Kh để lại.

Bà yêu cầu tiếp tục thực hiện theo di chúc của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh là chỉ ở và thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Ng có đại diện theo ủy quyền ông Sơn Nguyên Ng trình bày:

Vào năm 1996, bà Ng có quan hệ sống chung với ông Vũ Đình H3 không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có 01 người con chung là Vũ Gia Ái M, sinh ngày 10/3/1997.

Ông Vũ Đình H3 chết năm 2005, và đến thời điểm đó bà và ông H3 vẫn chưa đăng ký kết hôn nên mối quan hệ này không được pháp luật công nhận. Do đó bà thừa nhận không có tư cách thừa kế tài sản của ông Vũ Đình H3.

Việc tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn bà Vũ Gia Ái M và bị đơn bà Vũ Thị Thanh H bà không có ý kiến gì, và cũng không có yêu cầu nào khác.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ủy ban nhân dân quận G Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện theo ủy quyền bà Trương Thị Hồng H trình bày:

Nguồn gốc đất do ông bà Vũ Đình H2 – Vũ Thị Kh quản lý sử dụng trước năm 1975.

Căn nhà 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ông bà H2 nhận chuyển nhượng 02 căn nhà lá của bà Trần Thị C bằng giấy tay có Ủy ban hành chánh xã chứng nhận ngày 10/5/1965 với diện tích 102m² và của bà Chu Thị D bằng giấy tay không ghi ngày tháng năm. Năm 1966, Ông H2 bà Kh xây dựng lại nhà không xin phép. Năm 1990, ông bà H2 chuyển nhượng bớt một phần diện tích 58m² cho bà Nguyễn Thị Nh bằng giấy

tay (đã thất lạc). Năm 2002, ông bà H2 sửa lại phần nhà phía sau không xin phép.

Năm 2009, ông bà Vũ Đình H2 – Vũ Thị Kh lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất nêu trên. Ngày 08/5/2009, Ủy ban nhân dân quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 29/79/2009/UB.GCN cho ông bà Vũ Đình H2 – Vũ Thị Kh với diện tích đất là 111,6m².

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 29/79/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 cho ông bà Vũ Đình H2 – Vũ Thị Kh là đúng theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Tháng 12 năm 2009, bà Vũ Thị Kh chết. Năm 2011, ông Vũ Đình H2 chết. Năm 2016, bà Vũ Thị Thanh H khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N theo văn bản công chứng số 3626 ngày 29/01/2016, trước bạ ngày 02/02/2016. Căn cứ các giấy tờ trên, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận G đã thực hiện cập nhật thay đổi ngày 22/02/2016 tại trang 4 Giấy chứng nhận số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009. Việc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G thực hiện cập nhật tại trang 4 Giấy chứng nhận là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của các đương sự thì đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Đại diện ủy quyền bà Trương Thị Hồng H cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Phòng công chứng số N Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện theo ủy quyền bà Đào Thị Hoàng A trình bày:

Ngày 14/01/2016, Công chứng viên Phòng công chứng số N có nhận được yêu cầu của bà Vũ Thị Thanh H đề nghị chứng nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Vũ Đình H2 chết ngày 15/6/2011 và bà Vũ Thị Kh chết ngày 17/12/2009 để lại.

Người yêu cầu công chứng đã nộp và Công chứng viên đã kiểm tra, thu thập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 40, Điều 41 và Điều 58 Luật công chứng năm 2014 (Văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm công chứng).

Trên cơ sở ý chí và hồ sơ được xuất trình, Công chứng viên đã soạn thảo Dự thảo văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với di sản do ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh chết để lại.

Việc thụ lý công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng viên thông báo dưới mọi hình thức niêm yết tại Ủy ban nhân dân Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 15 ngày, kể từ ngày 14/01/2016 để xác minh có tranh chấp, khiếu nại hay tố cáo về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế; bỏ sót di sản thừa kế; di sản thừa kế

không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản hay không.

Sau khi hết thời hạn niêm yết và không nhận được bất kỳ khiếu nại, tranh chấp, tố cáo nào liên quan đến việc khai nhận di sản nêu trên, người thừa kế đã thực hiện việc giao kết văn bản khai nhận tại Phòng công chứng số N vào ngày 29/01/2016 theo quy định.

Công chứng cũng đã kiểm tra năng lực hành vi, ý chí tự nguyện của các bên. Tại thời điểm công chứng, Công chứng viên không có bất kỳ thông tin nào về tài sản bị tranh chấp, ngăn chặn hay bỏ sót thừa kế theo quy định nên đã ký công chứng.

Như vậy, công chứng viên Phòng công chứng số N đã thực hiện đầy đủ các bước trình tự thủ tục, thu thập đủ thành phần hồ sơ theo quy định khi thực hiện chứng nhận, đặc biệt là đã thực hiện việc niêm yết và xác minh liên quan đến nội dung yêu cầu công chứng, trong đó có việc bỏ sót thừa kế hay không.

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Luật công chứng năm 2014 thì người yêu cầu công chứng bị nghiêm cấm việc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa trái pháp luật để yêu cầu công chứng. Đồng thời, Điều 75 Luật công chứng 2014 về Xử lý vi phạm đối với người yêu cầu công chứng cũng quy định: “ Người yêu cầu công chứng có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, các văn bản giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa giấy tờ, văn bản trái pháp luật hoặc có hành vi gian dối khác khi yêu cầu công chứng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Trong hồ sơ thể hiện việc bà Vũ Thị Thanh H đã có lập Tờ cam kết về việc bà là người con duy nhất của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh, nếu sai trái bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật (cam kết được Ủy ban nhân dân Phường M5, quận G chứng thực chữ ký ngày 14/01/2016). Đồng thời, trong văn bản khai nhận di sản được Phòng công chứng số N chứng nhận số 3626 ngày 29/01/2016 cũng có nội dung bà H cam đoan là không còn bất kỳ người thừa kế nào khác.

Như vậy, nếu có cơ sở cho thấy còn có người thừa kế khác cũng được quyền hưởng di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh (ngoài bà Vũ Thị Thanh H) thì việc cam kết, cam đoan nêu trên của bà H có yếu tố gian dối, cố ý bỏ sót người thừa kế. Theo đó, bà Vũ Thị Thanh H có hành vi gian dối gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác và phải gánh chịu các hậu quả pháp lý theo quy định.

Theo Khoản 3 Điều 5 Luật công chứng năm 2014, hợp đồng và giao dịch công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố vô hiệu. Do đó, về mặt nguyên tắc Tòa án là cơ quan có thẩm quyền quyết định về hiệu lực của văn bản Khai nhận di sản nêu trên căn cứ theo hồ sơ, tài liệu và tranh tụng tại tòa.

Bên cạnh đó, Phòng công chứng số N nhận thấy còn có quy định liên quan

đến vụ việc trên là Khoản 1 Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015 về việc phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới hoặc có người thừa kế bị bác quyền thừa kế. Cụ thể: “Trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đại diện ủy quyền bà Đào Thị Hoàng A cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BB có địa diện theo pháp luật ông Bùi Thanh Tr trình bày:

Ông Bùi Thanh Tr có đơn xin vắng mặt ngày 25/09/2019 gửi theo đường bưu điện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Gia Ái M vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố vô hiệu toàn bộ đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh lập tại Phòng công chứng số N, số công chứng 3626 ngày 29/01/2016.

Công nhận di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 (chết năm 2011) và bà Vũ Thị Kh (chết năm 2009) để lại là nhà đất tọa lạc tại 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 05/8/2009 do Ủy ban nhân dân quận G cấp được chia theo di chúc.

Bà Vũ Gia Ái M và bà Vũ Thị Thanh H mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất tọa lạc tại 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Thị Thanh H có trách nhiệm giao cho bà Vũ Gia Ái M $\frac{1}{2}$ giá trị di sản nêu trên bằng tiền theo giá thẩm định ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không thanh toán ngay cho nguyên đơn thì nguyên đơn

có quyền yêu cầu Cơ quan hi hành án dân sự có thẩm quyền bán phát mãi tài sản tranh chấp để chia theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Vũ Gia Ái M khởi kiện bà Vũ Thị Thu H về di sản thừa kế do ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh để lại. Yêu cầu hủy bỏ văn bản công chứng, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 do bà Vũ Thị Thanh H đang đứng tên sở hữu. Đây là tranh chấp thừa kế liên quan đến yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng cho bên bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện bà Lê Thị Ng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BB có đại diện theo pháp luật ông Bùi Thanh Tr nhưng vắng mặt. Ủy ban nhân dân quận G Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng công chứng số N Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên theo quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn có đủ căn cứ để xác định:

Ông Vũ Đình H2 (sinh năm 1931, chết năm 2011) và bà Vũ Thị Kh (sinh năm 1935, chết năm 2009). Trong thời gian chung sống Ông H2 và bà Kh có tạo lập được tài sản chung là căn nhà số 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 05/8/2009.

Ngày 01/9/2009, Ông H2 và bà Kh cùng lập 02 bản di chúc để lại cho các con là ông Vũ Đình H3 bà Vũ Thị Thanh H tại Phòng công chứng số N, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Di chúc số 24431 quyền số 09/TP/CC-SCC/DC, ông Vũ Đình H2 để lại di sản thừa kế cho bà H được thừa hưởng phần thuộc sở hữu, sử dụng của Ông H2 trong căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 646/5 L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản di chúc số 24432 quyền số 09/TP/CC-SCC/DC, bà Vũ Thị Kh để lại di sản thừa kế cho ông Vũ Đình H3 được hưởng phần thuộc sở

hữu, sử dụng của bà Kh trong căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 646/5 L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản chung của Ông H2 và bà Kh nên mỗi người được quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản thuộc sở hữu của mình.

Về hình thức và nội dung của hai di chúc trên phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 652, 653, 658 Bộ luật dân sự 2005 nên được công nhận là di chúc hợp pháp. Nên việc nguyên đơn yêu cầu phân chia $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất số 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo hai tờ di chúc nêu trên là có căn cứ.

Năm 2009, bà Vũ Thị Kh chết thì phát sinh thừa kế theo di chúc cho ông Vũ Đình H3 và đến năm 2011, ông Vũ Đình H2 chết thì phát sinh thừa kế theo di chúc cho bà Vũ Thị Thanh H.

Khi còn sống ông Vũ Đình H3 có sống chung với bà Lê Thị Ng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có 01 người con chung là Vũ Gia Ái M, sinh ngày 10/3/1997. Theo kết quả xác minh tại sổ bộ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường M5, quận G thì từ năm 1994 đến ngày 08/12/2015: Đối với sổ bộ kết hôn không có tên ông Vũ Đình H3; Đối với sổ bộ khai sinh, ông Vũ Đình H3 có đăng ký khai sinh cho con tên là Vũ Gia Ái M, sinh năm 1997, có tên người mẹ là Lê Thị Ng, sinh năm 1957 theo Giấy khai sinh số 97 do Ủy ban nhân dân Phường M5, quận G cấp ngày 25/6/2003. Bà Ng thừa nhận không có quan hệ hôn nhân với ông H3 và không tranh chấp thừa kế của ông H3 với bà Vũ Gia Ái M.

Ông Vũ Đình H3 chết năm 2015 nên bà Vũ Gia Ái M được hưởng phần thừa kế của ông H3 theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên năm 2016, bà Vũ Thị Thanh H tự mình khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N theo văn bản công chứng số 3626 ngày 29/01/2016, trước bạ ngày 02/02/2016. Căn cứ các giấy tờ trên, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận G đã thực hiện cập nhật thay đổi ngày 22/02/2016 tại trang 4 Giấy chứng nhận số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 đứng tên sở hữu tài sản cho bà Vũ Thị Thanh H.

Theo hồ sơ tại Phòng công chứng số N thể hiện việc bà Vũ Thị Thanh H đã có lập Tờ cam kết về việc bà là người con duy nhất của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh, nếu sai trái bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật (cam kết được Ủy ban nhân dân Phường M5, quận G chứng thực chữ ký ngày 14/01/2016). Và bà H cam đoan là không còn bất kỳ người thừa kế nào khác. Việc cam kết, cam đoan nêu trên của bà H là hành vi gian dối, cố ý bỏ sót người thừa kế theo di chúc mà mình biết rõ là ông Vũ Đình H3 anh ruột mình, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Gia Ái M là người được hưởng phần thừa kế của ông H3. Do hành vi của bà H vi phạm Khoản 2 Điều 7, Điều 75 Luật công chứng năm 2014 nên Hội đồng xét xử tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 (chết năm 2011) và bà Vũ Thị Kh (chết năm 2009) tại Phòng công chứng số N, số công chứng số 3626 ngày 29/01/2016 bị vô hiệu toàn bộ.

Việc bên bị đơn cho rằng Ông H2 và bà Kh trong nội dung 02 bản di chúc là ông bà chỉ cho để ở và thờ cúng nên không đồng ý chia giá trị nhà cho nguyên đơn là không đúng. Bởi chính bà H đã có hành vi gian dối trong việc khai nhận di sản thừa kế để hưởng toàn bộ di sản như đã nhận xét phần trên, lẽ ra bà không được hưởng di sản trên theo quy định tại Điều 643 Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác bà H không sử dụng di sản vào việc để ở và thờ cúng, trái với ý chí người để lại di chúc mà đem di sản thừa kế vào việc ký thỏa thuận hợp tác phân phối một số mặt hàng hóa mỹ phẩm, thực phẩm với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BB và hiện nay Công ty BB đặt trụ sở chi nhánh hoạt động tại đây. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế theo di chúc bằng tiền là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà đất tại số 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 cho ông bà Vũ Đình H2 – Vũ Thị Kh là đúng theo quy định pháp luật. Việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận G đã thực hiện cập nhật thay đổi ngày 22/02/2016 tại trang 4 Giấy chứng nhận số 2797/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 đứng tên bà Vũ Thị Thanh H là do căn cứ vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Phòng công chứng số N, công chứng số 3626 ngày 29/01/2016, văn bản này đã bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 08/5/2009 của Ủy ban nhân dân quận G theo yêu cầu của nguyên đơn.

Theo Biên bản định giá ngày 17/08/2018 thì toàn bộ nhà đất tranh chấp có giá là 5.114.624.330 đồng. Bà H là người đang quản lý, sử dụng tài sản phải có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn phần thừa kế theo di chúc bằng tiền với số tiền là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất đã định là 2.557.312.165 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vũ Gia Ái M và bà Vũ Thị Thanh H được nhận kỷ phần thừa kế tương đương số tiền 2. 557.312.165 đồng nên bà M và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.146.243 đồng theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, 5 Điều 30, Khoản 11 Điều 26, Khoản 1 Điều 37, Khoản 3 Điều 38, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 631, 633, 643, 652, 657 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 5, Khoản 2 Điều 7 Luật Công chứng năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Gia Ái M.

Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 (chết năm 2011) và bà Vũ Thị Kh (chết năm 2009) tại Phòng công chứng số N, số công chứng số 3626 ngày 29/01/2016 vô hiệu toàn bộ.

Công nhận di sản thừa kế của ông Vũ Đình H2 (chết năm 2011) và bà Vũ Thị Kh (chết năm 2009) để lại là nhà đất tọa lạc tại 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2979/2009/UB.GCN ngày 05/8/2009 do Ủy ban nhân dân quận G cấp được chia theo di chúc.

Người được hưởng thừa kế đối với di sản của ông Vũ Đình H2 và bà Vũ Thị Kh là bà Vũ Thị Thanh H và ông Vũ Đình H3 (chết năm 2015) có thừa kế là bà Vũ Gia Ái M.

Bà Vũ Gia Ái M và bà Vũ Thị Thanh H mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất tọa lạc tại 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Thị Thanh H có trách nhiệm giao cho bà Vũ Gia Ái M $\frac{1}{2}$ giá trị di sản nêu trên với số tiền là 2.557.312.165 (hai tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười hai ngàn một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không thanh toán ngay cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán phát mãi tài sản tranh chấp. Bà Vũ Gia Ái M nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất, bà Vũ Thị Thanh H nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 646/5 (số mới 702/5) L, Phường M5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá thẩm định tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các khoản chi phí phát mãi, thuế, lệ phí chuyển nhượng trong quá trình thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Gia Ái M phải chịu số tiền là 83.146.243 đồng được trừ vào số tiền đã nộp là 26.829.000 đồng theo Biên lai thu số 0029085 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà M còn phải nộp thêm số tiền còn lại là 56.317.243 đồng; Bà Vũ Thị Thanh H phải chịu số tiền là 83.146.243 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự; Lưu Hồ sơ.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên